Giải pháp chuyển đổi số (Digitalization) cho Quy trình Quản lý Sự Thay đổi

Bản Demo

Góp ý

1. Tên ứng dụng:

Sửa thành Di.MC

1. Tài khoản và Đăng nhập

Danh sách tài khoản:

1. [Di.MC-Initiator@gmail.com](mailto:Di.MC-Initiator@gmail.com)
2. [Di.MC-Screening@gmail.com](mailto:Di.MC-Screening@gmail.com)
3. [Di.MC-Design@gmail.com](mailto:Di.MC-Design@gmail.com)
4. [Di.MC-DesignApprove@gmai.com](mailto:Di.MC-DesignApprove@gmai.com)
5. [Di.MC-Implement@gmail.com](mailto:Di.MC-Implement@gmail.com)
6. [Di.MC-ImplementApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-ImplementApprove@gmail.com)
7. [Di.MC-Closeout@gmail.com](mailto:Di.MC-Closeout@gmail.com)
8. [Di.MC-CloseoutApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-CloseoutApprove@gmail.com)

Đăng nhập: sau khi nhập thông tin tài khoản thì đi thẳng vô màn hình chính luôn (bỏ qua bước welcome).

1. Khung Change Tree
   1. Tên của các cấp, change ID và tên change

Nguyên tắc tạo change ID: FAC-UNI-SYS-xxxx (FAC, UNI, SYS – lần lượt là 3 chữ cái đầu của các tên Factory, Unit, System; xxxx là số thứ tự).

Tên change do người khởi tạo đặt.

* 1. Trình bày bảng Change Tree
* Thu gọn lại
* Format tô đậm (bold) cho Factory, Unit và System
* Icon cho Factory:



* Icon cho Unit



* Icon cho System



* Icon cho change, hình tròn có màu theo mức độ ưu tiên của change: đỏ, vàng và xanh đậm theo 3 cấp ưu tiên, khi change chưa qua bước screening thì chưa có mức độ ưu tiên, để hình tròn màu xám.
* Luôn hiển thị danh sách các Factory.
* Các unit và system (lớp cuối cùng) không có Change thì không cần hiển thị (tránh việc unit này nằm trong Factory nọ như hiện tại). Nút hiển thị tạo Change nằm sát nút Factory cho các Factory chưa có Change.

1. Khung thông tin chính
   1. Khi chọn Factory bên khung change tree

Khung thông tin chính sẽ thể hiện dashboard của tất cả các change trong Factory, bao gồm:

* Tổng số change đã được tạo (Initiated)
* Số change đang Screeening
* Số change đang Design
* Số change đang Design Review/Approve
* Số change đang Implement
* Số change đang Implement Review/Approve
* Số change đang Closeout
* Số change đang Closeout Review/Approve
* Số change đã Closed/Cancelled
  1. Khi chọn Unit bên khung change tree

Khung thông tin chính sẽ thể hiện dashboard của tất cả các change trong Unit, bao gồm:

* Tổng số change đã được tạo (Initiated)
* Số change đang Screeening
* Số change đang Design
* Số change đang Design Review/Approve
* Số change đang Implement
* Số change đang Implement Review/Approve
* Số change đang Closeout
* Số change đang Closeout Review/Approve
* Số change đã Closed/Cancelled
  1. Khi chọn System bên khung change tree

Khung thông tin chính sẽ thể hiện dashboard của tất cả các change trong System, bao gồm:

* Tổng số change đã được tạo (Initiated)
* Số change đang Screeening
* Số change đang Design
* Số change đang Design Review/Approve
* Số change đang Implement
* Số change đang Implement Review/Approve
* Số change đang Closeout
* Số change đang Closeout Review/Approve
* Số change đã Closed/Cancelled
  1. Khi chọn New Change bên khung change tree

Khung thông tin chính sẽ thể hiện giao diện tạo change mới.

* 1. Khi chọn một change có sẵn bên khung change tree

Khung thông tin change sẽ thể hiện giao diện của bước đang được xử lý hiện tại của change được chọn.

1. Các giao diện của từng bước trong workflow
   1. Giao diện của bước tạo change mới

* Đổi tên tab General thành Initiate
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Status bar (workflow)
  + Bỏ nút draft
  + Đổi tên nút Open thành Initiate
  + Khi đang ở bước khởi tạo (Initiate) thì tất cả các nút trên status bar đều màu xám
  + Đổi tên nút Review thành Design Approve
  + Đổi tên nút Implementation thành Implement
  + Đổi tên nút Approval thành Implement Approve
  + Đổi tên nút Documents thành nút Closeout
  + Thêm nút Closeout Approve sau nút Closeout

***Initiate -> Screening -> Design -> Design Approve -> Implement -> Implement Approve -> Closeout -> Closeout Approve -> Closed/Cancelled.***

* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Thêm tác vụ Comment, Add Attachment ở các hàng tiếp theo cho người khởi tạo
  + Next Assignment
    - Screening
    - by [Di.MC-Screening@gmail.com](mailto:Di.MC-Screening@gmail.com)
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Sau khi người khởi tạo nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT
  + Nút Initiate trên status bar chuyển sang màu xanh lá, các nút còn lại màu xám.
  + Change mới được tạo xuất hiện bên cửa sổ Change Tree
  + Gửi thông báo đến [Di.MC-Screening@gmail.com](mailto:Di.MC-Screening@gmail.com)
  1. Bước Screening
* Đổi tên tab General thành Screening
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Thêm Priority Level cho người Screening đặt mức độ ưu tiên

(Dropdown list với 3 lựa chọn)

* + - High
    - Medium
    - Low
  + Thêm tác vụ Comment, Add Attachment ở các hàng tiếp theo cho người Screening
  + Next Assignment

(Dropdown list với 3 lựa chọn)

* + - Screening Approve, go to Design
    - Revisit Change, return to Initiator
    - Reject Change, Cancelled.
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Khi người Screening nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT, tùy thuộc vào 3 lựa chọn sẽ xử lý tiếp như sau:
  + Screening Approve, go to Design
    - Nút Screening trên status bar chuyển sang màu xanh lá, các nút ở các bước còn lại màu xám.
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Design@gmail.com](mailto:Di.MC-Design@gmail.com)
  + Revisit Change, return to Initiator
    - Nút Screening trên status bar và các nút ở các bước còn lại vẫn giữ màu xám
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Initiator@gmail.com](mailto:Di.MC-Initiator@gmail.com)
  + Reject Change, Cancelled
    - Status bar thể hiện đi thẳng từ Screening đến Closed/Cancelled.
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Initiator@gmail.com](mailto:Di.MC-Initiator@gmail.com)
  1. Bước Design
* Đổi tên tab General thành Design
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Priority Level
  + Thêm tác vụ Comment, Add Design Dossier (links to final design documents) ở các hàng tiếp theo cho người Design
  + Next Assignment
    - Design Approve
    - by [Di.MC-DesignApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-DesignApprove@gmail.com)
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Sau khi người Design nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT
  + Nút Design trên status bar chuyển sang màu xanh lá
  + Gửi thông báo đến [Di.MC-DesignApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-DesignApprove@gmail.com)
  1. Bước Design Approve
* Đổi tên tab General thành Design Approve
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Priority Level
  + Design Dossier (links to final design documents)
  + Thêm tác vụ Comment, Add Attachment ở các hàng tiếp theo cho người Design Approve
  + Next Assignment

(Dropdown list với 2 lựa chọn)

* + - Design Approve, go to Implement
    - Revisit, return to Design
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Khi người Design Approve nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT, tùy thuộc vào 2 lựa chọn sẽ xử lý tiếp như sau:
  + Design Approve, go to Implement
    - Nút Design Approve trên status bar chuyển sang màu xanh lá
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Implement@gmail.com](mailto:Di.MC-Implement@gmail.com)
  + Revisit, return to Design
    - Nút Design Approve trên status bar vẫn giữ màu xám
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Design@gmail.com](mailto:Di.MC-Design@gmail.com)
  1. Bước Implement
* Đổi tên tab General thành Implement
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Priority Level
  + Design Dossier (links to final design documents)
  + Thêm tác vụ Comment, Add Document ở các hàng tiếp theo cho người Implement
  + Next Assignment
    - Implement Approve
    - by [Di.MC-ImplementApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-ImplementApprove@gmail.com)
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Sau khi người Implement nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT
  + Nút Implement trên status bar chuyển sang màu xanh lá
  + Gửi thông báo đến [Di.MC-ImplementApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-ImplementApprove@gmail.com)
  1. Bước Implement Approve
* Đổi tên tab General thành Implement Approve
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Design Dossier (links to final design documents)
  + Priority Level
  + Thêm tác vụ Comment, Add Attachment ở các hàng tiếp theo cho người Implement Approve
  + Next Assignment

(Dropdown list với 2 lựa chọn)

* + - Implement Approve, go to Closeout
    - Implement not Approve, return to Implement
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Khi người Implement Approve nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT, tùy thuộc vào 2 lựa chọn sẽ xử lý tiếp như sau:
  + Implement Approve, go to Closeout
    - Nút Implement Approve trên status bar chuyển sang màu xanh lá
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Closeout@gmail.com](mailto:Di.MC-Closeout@gmail.com)
  + Implement not Approve, return to Implement
    - Nút Implement Approve trên status bar vẫn giữ màu xám
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Implement@gmail.com](mailto:Di.MC-Implement@gmail.com)
  1. Bước Closeout
* Đổi tên tab General thành Closeout
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Design Dossier (links to final design documents)
  + Priority Level
  + Thêm tác vụ Comment, Add As-Built Document ở các hàng tiếp theo cho người Closeout
  + Next Assignment
    - Closeout Approve
    - by [Di.MC-CloseoutApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-CloseoutApprove@gmail.com)
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Sau khi người Closeout nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT
  + Nút Closeout trên status bar chuyển sang màu xanh lá
  + Gửi thông báo đến [Di.MC-CloseoutApprove@gmail.com](mailto:Di.MC-CloseoutApprove@gmail.com)
  1. Bước Closeout Approve
* Đổi tên tab General thành Closeout Approve
* Đổi tên tab Notes & Comments thành History (bao gồm comments và attachments)
* Đổi tên tab Attachments thành Attachment List
* Thứ tự trình bày các trường thông tin:
  + Status bar (workflow) đặt ở vị trí trên cùng
  + Dòng các trường thông tin Facility, Unit, System ở hàng thứ 2
  + Dòng Change ID, Change Title ở hàng thứ 3
  + Description ở hàng thứ 4
  + Justification ở hàng thứ 5
  + Initiator (đổi tên Creator thành Initiator), Initiated At (đổi tên Created At thành Initiated At) ở hàng thứ 6
  + Priority Level
  + Design Dossier (links to final design documents)
  + As-built Dossier (links to as-built documents)
  + Thêm tác vụ Comment, Add Attachment ở các hàng tiếp theo cho người Closeout Approve
  + Next Assignment

(Dropdown list với 2 lựa chọn)

* + - Closeout Approve, Change Closed
    - Closeout not Approve, return to Closeout
  + Bỏ các nút UPDATE, CLEAR, giữ nút SUBMIT
* Khi người Closeout Approve nhập thông tin xong và nhấn nút SUBMIT, tùy thuộc vào 2 lựa chọn sẽ xử lý tiếp như sau:
  + Closeout Approve, Change Closed
    - Nút Closeout Approve trên status bar chuyển sang màu xanh lá
    - Gửi thông báo đến everyone
  + Closeout not Approve, return to Closeout
    - Nút Closeout Approve trên status bar vẫn giữ màu xám
    - Gửi thông báo đến [Di.MC-Closeout@gmail.com](mailto:Di.MC-Closeout@gmail.com)

Các comment khác như đã trao đổi trực tiếp hôm Chủ nhật ngày 16/08/2020.